



bàn dào

办到

verb phrase · to accomplish, to manage to do

Example Sentences

wǒ xiāng xìn nǐ néng bàn dào zhè jiàn shì
我 相 信 你 能 办 到 这 件 事。

I believe you can accomplish this task.

suī rán hěn nán dàn tā hái shì bàn dào le
虽 然 很 难 ， 但 他 还 是 办 到 了。

Although it was very difficult, he still managed to do it.

Trace each character, then write the word on your own.

办	办	办	办	办	办	办								
到	到	到	到	到	到	到	到	到	到	到				